

Số: 723/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/03/2023

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng

2. Ông Phạm Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thúy Nhi – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lam - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 03 năm 2023, tại phòng xử án của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2423/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 707/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Chung cư H, Đường N, Khu phố X, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Tạ Trung T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Chung cư H, Đường N, Khu phố X, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Minh T và ông Tạ Trung T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Bà và ông Tạ Trung T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số AA/2016, do Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 01/6/2016. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến khoảng tháng 8 năm 2017, vợ chồng thường xuyên xảy ra

mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chăm sóc dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Từ đó cho đến nay, vợ chồng sống cùng nhà nhưng mỗi người một phòng, mỗi người một cuộc sống riêng. Nay nhận thấy, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, lối sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Tạ Trung T có 01 con chung là Tạ Trung T, sinh ngày 22/02/2017. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Tạ Trung T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Tạ Trung T trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị Minh T về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn. Theo đó, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Tuy nhiên, ông T cho rằng những mâu thuẫn này không trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn có thể hàn gắn được. Nay bà Nguyễn Thị Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Minh T có 01 con chung là Tạ Trung T, sinh ngày 22/02/2017. Trong trường hợp ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Tạ Trung T và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu được ly hôn ông Tạ Trung T. Về con chung: Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con chung là Tạ Trung T, sinh ngày 22/02/2017, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tạ Trung T không đồng ý trước yêu cầu ly hôn của bà Thơ. Ông T xác nhận, ông và bà T sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trường hợp, tòa giải quyết ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung là Tạ Trung T, sinh ngày 22/02/2017, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Minh T và ông Tạ Trung T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn ông Thành.

Về con chung: Xác định ông Tạ Trung T và bà Nguyễn Thị Minh T có 01 (một) con chung là Tạ Trung T, sinh ngày 22/02/2017. Do trẻ Trí còn nhỏ nên giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Tạ Trung T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Minh T yêu cầu ly hôn ông Tạ Trung T, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông T hiện cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nội dung:

[1]. Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Tạ Trung T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số AA/2016, do Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 01/6/2016. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình thì hôn nhân của bà T và ông T được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Minh T yêu cầu được ly hôn ông Tạ Trung T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời khai của bà T và ông T đều xác định, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 và sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình và có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng thực tế bà T và ông T không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn ông T là có cơ sở.

[3]. Về con chung: Ông Tạ Trung T và bà Nguyễn Thị Minh T có 01 (một) con chung là Tạ Trung T, sinh ngày 22/02/2017. Khi ly hôn, bà T và ông

T đều yêu cầu được nuôi con chung. Xét trẻ Tạ Trung T còn nhỏ nên giao cho mẹ là bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: Ông Tạ Trung T và bà Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân sơ thẩm bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu.

[6]. Ghi nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức về việc rút kinh nghiệm về việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức về giải quyết nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9; Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn ông Tạ Trung T

2/ Về con chung: Giao con chung là Tạ Trung T, sinh ngày 22/02/2017 cho bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết các bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Tạ Trung T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã

nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0006022 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà T đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Thủ Đức;
- THA thành phố Thủ Đức;
- TATP;
- Các đương sự;
- UBND phường A;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu